

Bản án số: 441/2025/HS-PT
Ngày 16/6/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Ngô Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên, tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 151/2025/TLPT-HS ngày 21 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo Đặng Ngọc N và các bị cáo khác, do có kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 538/2024/HS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo bị kháng cáo:

1. Bị cáo Đặng Ngọc N, sinh năm 1963; tại Quảng Trị. Nơi thường trú: 75 đường Lê Thúc H, phường Phú Thọ H, quận Tân Ph, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng C (đã chết) và Lê Thị H (đã chết); vợ Hồ Thị Duy P có 01 con, sinh năm 1998. Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/01/2024, được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 31/7/2024; có mặt.

2. Bị cáo Võ Hoàng D, sinh năm 1976; tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú: 20 Đường số 10, Khu phố 1, phường Cát L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Tốt và bà: Không rõ; vợ Bùi Thị T có 02 con, lớn sinh năm 2016 và nhỏ sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/01/2024; có mặt.

3. Bị cáo Bùi Thị T, sinh năm 1992; tại tỉnh Bến Tre. Nơi thường trú: 20 Đường số 10, Khu phố 1, phường Cát L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn N và bà Lê Thị L; chồng Võ Hoàng D có 02 con, lớn sinh năm 2016 và nhỏ sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/01/2024 đến ngày 02/02/2024, được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Bị cáo Mạc Văn Ng, sinh năm 1978; tại tỉnh Hải Dương. Nơi thường trú: 62 đường Ngô Đức K, phường Bến Ng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Chung cư Tín Phong 12 View, phường Tân Thới N, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mạc Văn Ng (đã chết) và bà Nguyễn Thị S; vợ Lưu Thị L có 02 con, lớn sinh năm 2014 và nhỏ sinh năm 2021. Tiền sự: Không;

Tiền án:

+ Ngày 31/5/2004, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phạt 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Ngày 19/4/2011, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phạt 12 năm tù về tội “Buôn lậu”. Tổng hợp hình phạt với Bản án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh buộc bị cáo chấp hành hình phạt 14 năm 06 tháng tù. Ngày 19/8/2011, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm, sửa Bản án sơ thẩm phạt 15 năm tù về tội “Buôn lậu”. Tổng hợp hình phạt với Bản án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh buộc bị cáo chấp hành hình phạt 17 năm 06 tháng tù. Thi hành án tại Trại giam Thủ Đức, Cục C10, Bộ Công an. Chấp hành xong hình phạt vào ngày 27/4/2019;

+ Ngày 30/6/2023, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phạt 30 năm tù về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới” và “Buôn lậu”. Ngày 03/5/2024, bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm tuyên y án sơ thẩm phạt 30 năm tù về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới” và “Buôn lậu” về hành vi phạm tội xảy ra từ tháng 9/2019;

- Bị cáo đang bị tạm giam tại Tạm giam từ ngày 31/12/2020, giam tại Trại giam Xuân Lộc, Cục C10, Bộ Công an (huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai), hiện đã trích xuất về tại Trại tạm giam Chí Hòa - Công an Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

5. Bị cáo Lâm Vĩnh Ngh, sinh năm 1983; tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú: Số 286/8A đường Tô Hiến Th, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số 92 Đường 24A, phường Bình Trị Đ B, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm B và bà Thái Thị Phương H; vợ Nguyễn Thị Quỳnh Tr có 01 con sinh năm 2011;

- Ngày 30/6/2023, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phạt 04 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới”. Ngày 03/5/2024, bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm, sửa Bản án sơ

thẩm phạt 03 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới” về hành vi phạm tội xảy ra từ tháng 01/2020. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 31/12/2020 đến ngày 28/7/2021.

- Tiền án, tiền sự: không.

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/01/2024 và chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Chí Hòa; vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Thị T: Ông Trịnh Đình V là Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn HPL và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư TP. Hồ Chí Minh; địa chỉ: A2-0607, Tòa nhà Tropic Garden, 56 đường số 66, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xét xử vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Hoàng D: Bà Đặng Thị Thúy H là Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn HPL và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư TP. Hồ Chí Minh; địa chỉ: A2-0607, Tòa nhà Tropic Garden, 56 đường số 66, phường Thảo Điền, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo: Bà Trần Thị Ph, sinh năm 1961; hộ khẩu thường trú: Số 996 đường Nguyễn Thị Đ, phường Thạnh Mỹ L thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thành Đ; sinh năm 1994; nơi cư trú: B605 Tầng 6, Block B Sài Gòn Rex, số 188 đường Nguyễn X, Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Lầu 3, Cao ốc BMC, số 422 đường Võ Văn K, phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2018, bà Trần Thị Ph quen với Võ Hoàng D và Bùi Thị T. Do biết bà Ph đang thế chấp Thửa đất số 508, Tờ bản đồ số 40, phường Thạnh Mỹ L, thành phố Thủ Đức để vay tiền Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (viết tắt là Eximbank) và vay tiền của Đặng Vũ Trí D nên D, T giới thiệu bà Ph gặp Đặng Ngọc N để vay tiền trả cho Ngân hàng và Trí D.

Ngày 18/4/2020, D và T cùng với bà Phuon đến nhà Đặng Ngọc N địa chỉ số 75 Lê Thúc H, phường Phú Thọ H, quận Tân Phú thỏa thuận vay 19.000.000.000 đồng với điều kiện thế chấp Thửa đất số 508, Tờ bản đồ số 40, phường Thạnh Mỹ L, thành phố Thủ Đức sau khi được Ngân hàng giải chấp. Do N không đủ tiền nên gọi điện thoại cho Mạc Văn Ng đến nhà N bàn bạc thống nhất việc cho vay.

Tại nhà N gồm có N, Ng, D, T thống nhất: Ng cho bà Ph vay 13.000.000.000 đồng; N cho bà P vay 6.000.000.000 đồng, với lãi suất 0,5% ngày (N thỏa thuận với T khi bà Ph trả tiền lãi sẽ cho T, D 0,2%/ngày).

Sau khi thỏa thuận xong, Ng bàn với Trịnh Tiến D về việc cho bà Ph vay số tiền 13.000.000.000 đồng lãi suất 0,5%/ngày, D đồng ý và giao cho Lâm Vĩnh Ngh và Ng thực hiện việc cho vay và ký kết hợp đồng (Ngh và Ng là người làm thuê cho D). Ngày 22/4/2020, N, D, T, Ng, Ngh cùng bà Ph đi đến Văn phòng Công chứng Bình Thạnh (địa chỉ 164 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 21, quận Bình Thạnh)

cho bà Ph vay 19.000.000.000 đồng dưới hình thức hợp đồng đặt cọc hứa chuyển nhượng quyền sử dụng Thửa đất số 508, Tờ bản đồ số 40, phường Thạnh Mỹ L, thành phố Thủ Đức, bên đặt cọc là Lâm Vĩnh Ngh và Đặng Ngọc N, bên nhận đặt cọc là Trần Thị Ph. Sau khi vay tiền của N và D, bà Ph trả nợ và được Ngân hàng (Eximbank) giải chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngh cùng với N, Danh, T, bà Ph đến Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (viết tắt là Vietinbank) chi nhánh Hàm Nghi để làm thủ tục vay tiền nhưng ngân hàng (Vietinbank) từ chối cho vay nên không có tiền trả lại cho D, N. Đến ngày 11/5/2020, số tiền cho bà Ph vay được T, D và N tính lãi như sau:

- Trịnh Tiến D cho bà Ph vay 13.000.000.000 đồng x 0,5%/ngày x 19 ngày = 1.250.000.000 đồng, nhưng khi tính tiền lãi, D chỉ lấy 1.000.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất quy định của khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 137.222.222 đồng, D thu lợi bất chính là 862.777.778 đồng. Do bà Ph không có tiền trả tiền lãi nên N cho bà Ph vay đưa cho Ngh để trả D.

- Đặng Ngọc N cho bà Ph vay 6.000.000.000 đồng x 0,5%/ngày x 19 ngày = 570.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất quy định của khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 63.333.333 đồng, thu lợi bất chính là 506.666.667 đồng (T và D tính tiền lãi giúp cho N), do bà Ph chưa trả tiền lãi nên chưa chia tiền cho T và D. Ngãi cộng tiền lãi vào tiền vốn tiếp tục cho bà Ph vay.

Thấy bà Ph không có tiền trả tiền lãi nên từ ngày 11/5/2020, D và N đã tính lãi suất đối với bà Ph là 5%/tháng trên số tiền vay. Đến ngày 29/10/2020, N đã cho bà Ph vay 13.000.000.000 đồng để trả cho Trịnh Tiến D và N tính tiền lãi với bà Ph cũng với lãi suất 5%/tháng. Thấy Ngh, D và đồng phạm cho vay tiền với lãi suất cao, ngày 05/12/2023, bà Trần Thị Ph đã làm đơn tố cáo gửi Cơ quan điều tra. Qua điều tra xác minh, ngày 28/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, khởi tố bị can đối với Lâm Vĩnh Ngh, Đặng Ngọc N, Võ Hoàng D, Bùi Thị T. Qua điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục khởi tố bị can đối với Mạc Văn Ng và Trịnh Tiến D.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, các bị cáo Đặng Ngọc N, Võ Hoàng D, Bùi Thị T, Lâm Vĩnh Ngh, Mạc Văn Ng khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có liên quan, các tài liệu đã thu thập được.

* Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- Thu giữ của bị cáo Đặng Ngọc N: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 promax.

- Quá trình khám xét khẩn cấp thu giữ tại nơi ở của Võ Hoàng D, Bùi Thị T thu giữ:

+ Bản sao các Hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất Thửa đất số 508, tờ bản đồ số 40 địa chỉ phường Thạnh Mỹ L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh Hồ Chí Minh; Hợp đồng đặt cọc; Hợp đồng sửa đổi hợp đồng đặt cọc; Hợp đồng vay tiền (được đánh số từ 01 đến 70);

+ Hợp đồng tín dụng số HĐTD5072021044 ngày 05/04/2021 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu Điện Liên Việt, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh,

Phòng giao dịch Nam Sài Gòn về việc cho vay đối với thửa đất số 508, tờ bản đồ số 40 địa chỉ phường Thạnh Mỹ L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (được đánh số từ 71 đến 85);

+ Hợp đồng ủy quyền; Văn bản thỏa thuận; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Hoàng Tr, Hồ Thị Kim T ủy quyền cho bà Bùi Thị T (đánh số từ 86 đến 110);

+ Hợp đồng cho thuê đất thửa đất số 508, tờ bản đồ số 40 địa chỉ phường Thạnh Mỹ L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (từ 111 đến 241)

+ Biên bản bàn giao bất động sản; Văn bản thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng vay tiền giữa ông N, bà Ph ngày 29/05/2020; Giấy giao nhận tiền ngày 04/11/2020 (được đánh số từ 242 đến 270).

* Về trách nhiệm dân sự:

- Bà Trần Thị Ph yêu cầu trả số tiền gốc và lãi hợp pháp cho Đặng Ngọc N để ông N chuyển nhượng lại thửa đất 508, tờ bản đồ số 40, địa chỉ phường Thạnh Mỹ L, TP Thủ Đức cho bà Ph; và buộc nhóm N, D trả lại số tiền thu bất chính.

- Ông Đặng Ngọc N yêu cầu bà Trần Thị Ph trả cho ông Ngãi số tiền gốc 37.200.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của Nhà nước để ông N chuyển nhượng lại Thửa đất 508, tờ bản đồ số 40, địa chỉ phường Thạnh Mỹ L, thành phố Thủ Đức cho bà Ph.

- Võ Hoàng D yêu cầu bàn giao tài sản lại cho bà Ph bán và đưa cho D số tiền 16.000.000.000 đồng/1000 m² theo thỏa thuận trích thưởng trước đó đã hứa.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 538/2024/HS-ST ngày 19/11/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 15, Điều 57, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Đặng Ngọc N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đặng Ngọc N cho Ủy ban nhân dân phường Phú Thọ H, quận Tân P, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp, bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự, xử phạt bổ sung bị cáo Đặng Ngọc N số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 15, Điều 57, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Bùi Thị T 01 (một) năm tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Thị T cho Ủy ban nhân dân phường Cát L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp, bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Bùi Thị T.

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 15, Điều 57, của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Võ Hoàng D 09 (chín) tháng, 21 (hai mươi một) ngày tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/01/2024 nên trả tự do cho bị cáo Võ Hoàng D ngay tại phiên tòa.

Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự, xử phạt bổ sung bị cáo Võ Hoàng D số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 15, Điều 57, của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lâm Vĩnh Ngh 01 (một) năm tù về tội “Cho vay lãi nặng”, tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm tù đối với tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 307/2023/HS-ST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hình sự phúc thẩm số 304/2024/HS-PT ngày 03/5/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt bị cáo Lâm Vĩnh Ngh 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/01/2024 nhưng được trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 31/12/2020 đến ngày 29/7/2021.

Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự, xử phạt bổ sung bị cáo Lâm Vĩnh Ngh số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Mạc Văn Ng 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng”, tổng hợp hình phạt 30 năm tù đối với tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới” và tội “Buôn lậu” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 307/2023/HS-ST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hình sự phúc thẩm số 304/2024/HS-PT ngày 03/5/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt bị cáo Mạc Văn Nguyễn 30 (ba mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2020.

Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự, xử phạt bổ sung bị cáo Mạc Văn Ng số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Đặng Ngọc N nộp lại số tiền 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng) là số tiền bà Trần Thị Ph đã vay để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/11/2024 bà Trần Thị Ph là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt tù đối với các bị cáo; yêu cầu giải quyết dân sự trong vụ án hình sự để bảo vệ quyền lợi cho bà Ph.

Tại phiên tranh tụng đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh có quan điểm như sau: Về nội dung kháng cáo của bà Phuôn yêu cầu tăng hình phạt tù đối với các bị cáo và yêu cầu giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự là không phù hợp và Tòa án cấp sơ thẩm đã tách ra giải quyết dân sự bằng một vụ án khác là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Phuôn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của bà Ph là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đối với bản án sơ thẩm đúng quy định hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập bà Ph, người đại diện theo ủy quyền của bà Ph lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Phuôn.

[3]. Xét đơn kháng cáo của bà Ph là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án thì thấy:

[3.1]. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Đặng Ngọc N, Võ Hoàng D, Bùi Thị T, Mạc Văn Ng và Lâm Vĩnh Ngh phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, bà Phuôn là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do đó, theo quy định tại khoản 4 Điều 331 Bộ luật Tố tụng hình sự thì người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, không có quyền kháng cáo tăng hình phạt tù đối với các bị cáo nên không có căn cứ để xem xét về hình phạt tù của các bị cáo.

[3.2]. Về trách nhiệm dân sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã tách ra và dành quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác cho N, T, D và bà Ph là có cơ sở nên bà Ph kháng cáo yêu cầu giải quyết trong vụ án hình sự này không được chấp nhận.

[4]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Phuôn; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về phần dân sự nên bà Ph phải chịu án phí phúc thẩm nhưng do người cao tuổi nên được miễn theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

I. Không chấp nhận đơn kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ph; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 538/2024/HS-ST

ngày 19/11/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, về trách nhiệm dân sự: Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Ph giải quyết tranh chấp dân sự, trong vụ án hình sự; dành quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác cho ông N, bà T, ông D và bà Ph.

II. Về án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị Ph được miễn.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công - Ngô Mạnh Cường

Đặng Văn Ý

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- CA TP. HCM;
- Sở tư pháp TP. HCM;
- Trại tạm giam Chí Hòa - Công an TP. HCM (để tổng đạt cho bc 1b);
- Lưu, NTTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý

